

Bản án số: 13/2024/DS-PT

Ngày: 20/9/2024

V/v: Tranh chấp Hợp đồng tín
dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Minh Tuấn

Các thẩm phán: Ông Dương Văn Bản, ông Hoàng Quý Sửu

- Thư ký phiên tòa: Bà Lý Bích Ngọc, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên: Ông Đỗ Quang Chung, Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2024, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, xét xử phúc thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số 17/2024/DS-PT ngày 19/7/2024 về việc kiện Tranh chấp Hợp đồng tín dụng.

Do bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 08/2024/KDTM-ST ngày 12/6/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên có kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 175/2024/QĐ - PT ngày 05/8/2024; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP V (V1)

Địa chỉ: Số H L, phường L, quận Đ, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D, chức vụ: Chủ tịch HĐQT.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Tuấn A, chức vụ: Phó Giám đốc trung tâm thu hồi nợ Khách hàng doanh nghiệp và xử lý nợ pháp lý.

Người được ủy quyền lại: Ông Ma Quang M, ông Dương Tùng L – Cán bộ xử lý nợ; có mặt ông L

Bị đơn: Công ty TNHH S1.

Địa chỉ công ty: Cụm C, cảng Đ, xã T, thành phố P, tỉnh Thái Nguyên.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Văn B, sinh năm 1985; vắng mặt

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện S, thành phố Hà Nội.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Phan Thị S, sinh năm 1993;

vắng mặt

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện S, thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tại phiên toà, đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn, trình bày:

Trong năm 2021, Công ty S1 vay vốn tại Ngân hàng TMCP V (V2) - Chi nhánh B1 theo Hợp đồng cho vay số BNH/21027/HDTD ngày 22/03/2021; Hợp đồng cho vay hạn mức thấu chi tài khoản không tài sản bảo đảm số: ThauchionlineSME-6762569 ngày 05/11/2021 và các khế ước nhận nợ, cụ thể như sau:

1. Hợp đồng cho vay số BNH/21027/HDTD ngày 22/03/2021: Số tiền vay 591.500.000 đồng (Năm trăm chín mươi một triệu năm trăm nghìn đồng); Thời hạn vay là 48 tháng, từ ngày 22/03/2021 đến ngày 22/03/2025; Mục đích sử dụng tiền vay: Thanh toán tiền mua 01 xe ô tô tải nhãn hiệu GIAIPHONG; số loại: FAW.E5T8-GMC/MK-TM, mới 100% theo HĐMB số 25/02/VAM/2021 ngày 25/02/2021 với Công ty CP Ô; Lãi suất cho vay trong hạn được quy định trong (các) Khế ước nhận nợ ký giữa bên vay và bên Ngân hàng; Lãi suất quá hạn bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn; Lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay nêu trên là: 01 xe ô tô nhãn hiệu GIAIPHONG, BKS: 20C-204.19, Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 20003112 do Phòng CSGT Công an tỉnh T cấp ngày 16/3/2021 đứng tên Công ty S1. Xác lập thế chấp tại V2 theo hợp đồng thế chấp xe ô tô số BNH/21027/HDTC ngày 22/03/2021; Đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại TP Đà Nẵng ngày 22/03/2021.

Dư nợ của hợp đồng này tính đến ngày khởi kiện (ngày 28/11/2023) còn lại 403.965.236đ (bốn trăm linh ba triệu, chín trăm sáu mươi lăm nghìn, hai trăm ba mươi sáu đồng), cụ thể: Nợ gốc: 344.306.888 đồng; Nợ lãi trong hạn: 42.084.783 đồng; Nợ lãi quá hạn: 15.998.418 đồng; Phí phạt: 1.575.146 đồng.

2. Hợp đồng cho vay số hạn mức thấu chi tài khoản không tài sản bảo đảm (viết tắt: TSBĐ) số ThauchionlineSME-6762569 ngày 03/12/2021: Hạn mức thấu chi là 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng); Thời hạn duy trì hạn mức thấu chi là 12 tháng, tính từ ngày Bên ngân hàng ký kết hợp đồng này bằng chữ ký số. Trong thời hạn duy trì hạn mức thấu chi, Khách hàng có thể rút vốn vay nhiều lần nhưng tổng dư nợ của Khách hàng theo hợp đồng này tại mọi thời điểm không được vượt quá Hạn mức thấu chi; Mục đích sử dụng vốn vay: Thanh toán các chi phí hợp pháp phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổ chức mà khách hàng làm chủ sở hữu phù hợp với quy định của pháp luật; Phương thức cho vay: Cho vay theo hạn mức thấu chi trên tài khoản thanh toán; Thời hạn vay: 60 tháng, từ ngày 21/01/2021 đến ngày 21/01/2026; Lãi suất cho vay trong hạn: Lãi suất cho

vay tại thời điểm giải ngân là: 15.5%/năm. Lãi suất cho vay trong hạn sẽ được giữ cố định trong suốt thời hạn duy trì Hạn mức vay thấu chi; Lãi suất quá hạn: Bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn; Lãi suất chậm trả áp dụng đối với số tiền lãi chậm trả: Bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi nhưng tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả; Phạt vi phạm: Trường hợp Bên vay vi phạm nghĩa vụ, cam kết, trách nhiệm theo quy định tại Hợp đồng này và bất kỳ thỏa thuận nào khác giữa Bên Ngân hàng và Bên vay, Bên vay phải chịu phạt vi phạm theo mức 8% giá trị phần nghĩa vụ bị vi phạm.

Dư nợ của hợp đồng này tạm tính đến ngày khởi kiện (ngày 28/11/2023) còn lại là 1.241.973.263đ (một tỷ, hai trăm bốn mươi một triệu, chín trăm bảy mươi ba nghìn, hai trăm sáu mươi ba đồng) cụ thể: Nợ gốc: 996.729.067 đồng; Nợ lãi trong hạn: 16.345.775 đồng; Nợ lãi quá hạn: 228.898.421 đồng;

Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty S1 đã được V2 giải ngân tổng số tiền là: 1.588.229.067 đồng. Công ty S1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với V2 kể từ ngày 05/12/2022 nên toàn bộ khoản vay đã chuyển sang nợ quá hạn và phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng. Tạm tính đến ngày 28/11/2023, Công ty S1 còn nợ V2: 1.645.938.499 đồng, trong đó: Nợ gốc trong hạn: 1.143.135.955 đồng; nợ gốc quá hạn: 197.900.000 đồng; nợ lãi trong hạn: 58.430.558 đồng; nợ lãi quá hạn: 244.896.840 đồng; Phí phạt quá hạn: 1.575.146 đồng.

Trên cơ sở những nội dung đã trình bày trên, V2 đề nghị Tòa án giải quyết những yêu cầu sau:

1. Buộc Công ty TNHH S1 phải trả cho V2 số tiền: 1.645.938.499đ (một tỷ sáu trăm bốn mươi lăm triệu chín trăm ba mươi tám nghìn bốn trăm chín mươi chín đồng).

2. Công ty TNHH S1 phải tiếp tục chịu lãi theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng, Khế ước nhận nợ, các văn bản tín dụng kèm theo cho đến ngày Công ty S1 thực tế thanh toán hết nợ cho V2.

3. Đề nghị Tòa án tuyên trong bản án: V2 có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án kê biên, phát mại tài sản đảm bảo để thu hồi nợ cho V2 nếu bị đơn không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng V2, cụ thể như sau: 01 xe ô tô nhãn hiệu GIAIPHONG, BKS: 20C-204.19, Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 20003112 do Phòng CSGT Công an tỉnh T cấp ngày 16/3/2021 đứng tên Công ty S1. Xác lập thế chấp tại V2 theo hợp đồng thế chấp xe ô tô số BNH/21027/HDTC ngày 22/03/2021.

4. Toàn bộ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản đảm bảo được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ cho bên vay vốn với V2. Nếu tài sản bảo đảm nêu trên không đủ để thực hiện nghĩa vụ thanh toán toàn bộ khoản nợ cho V2, V2 có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền tiến hành xác minh, kê biên, thu giữ, phát mại các tài sản khác thuộc quyền sở hữu, sử dụng của Công ty S1 để thu hồi khoản nợ cho đến khi Công ty S1 thanh toán hết khoản nợ cho V2.

Sau khi Toà án ban hành Quyết định đưa vụ án ra xét xử, đại diện của nguyên đơn xuất trình 01 Đơn sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện và 01 hợp đồng bảo lãnh số BNH/21053/HDBL ngày 25/6/2021 giữa bên bảo lãnh là bà Phan Thị S với bên nhận bảo lãnh là Ngân hàng V2 – Chi nhánh B1 với nội dung yêu cầu bổ sung:

1. Bổ sung thêm người có có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan như sau: Bà Phan Thị S sinh ngày 06/07/1993; Căn cước công dân số: 024193004238 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 11/11/2021; Thường trú tại: Thôn T, xã T, huyện S, thành phố Hà Nội (Điện thoại: 0983664533).

2. Bổ sung thêm Biện pháp bảo đảm cho khoản vay tại Mục 1.2 khoản 1 Mục III về Nội dung khởi kiện như sau:

- Ngoài tài sản bảo đảm nêu trên, bà Phan Thị S đã ký Hợp đồng bảo lãnh số BHN/21053/HDBL ngày 25/06/2021. Theo đó, bà Phan Thị S đồng ý, bằng toàn bộ tài sản của mình, bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang cho bên được bảo lãnh (Công ty S1) trong việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ - được hiểu bao gồm nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi, các khoản phí, tiền phạt, tiền bồi thường thiệt hại và tất cả các nghĩa vụ tài chính khác của bên được bảo lãnh đối với bên ngân hàng V2.

3. Bổ sung thêm Đề nghị tại Mục 2 Mục III về Nội dung khởi kiện như sau:

e) Trong trường hợp công ty S1 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ cho V2, đề nghị Tòa án buộc bà Phan Thị S có nghĩa vụ trả nợ thay Công ty S1 toàn bộ nợ gốc, nợ lãi, tiền phạt chậm trả và các khoản phát sinh liên quan theo các hợp đồng tín dụng nêu trên. V2 có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền tiến hành xác minh, kê biên, thu giữ, phát mại các tài sản khác thuộc quyền sở hữu, sử dụng của bà Phan Thị S để thu hồi khoản nợ cho đến khi Công ty S1 thanh toán hết khoản nợ cho V2.

Tại phiên toà sơ thẩm, đại diện nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với phần lãi phạt quá hạn (hay còn gọi là phí phạt quá hạn) đối với các hợp đồng tín dụng (Hợp đồng cho vay số BNH/21027/HDTD ngày 22/03/2021 và Hợp đồng cho vay hạn mức thấu chi tài khoản không tài sản bảo đảm số: ThauonlineSME-6762569 ngày 05/11/2021); Bổ sung số liệu dư nợ tính đến ngày xét xử (ngày 12/6/2024) Công ty S1 còn nợ V2 tổng số tiền là 1.775.295.371 đồng, trong đó nợ gốc là 1.341.036.624 đồng; Lãi trong hạn là 68.686.099 đồng; Lãi quá hạn là 365.572.648 đồng.

Bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện việc tổng đạt và tiến hành một số biện pháp thu thập chứng cứ, tuy nhiên, tại các thời điểm Tòa án đến làm việc, người đại diện hợp pháp của bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại nơi cư trú và nơi Công ty S1 đặt trụ sở làm việc nên việc thu thập chứng cứ không có kết quả, không có quan điểm của ông Hoàng Văn B và bà Phan Thị S về nội dung khởi kiện.

Xác minh tại nơi cư trú - Công an xã T cung cấp thông tin: Gia đình ông Hoàng Văn B, bà Phan Thị S có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Thôn T, xã T,

huyện S, thành phố Hà Nội. Hiện nay gia đình ông B vẫn sinh sống và làm việc tại địa phương, không có thông tin tạm vắng hoặc đăng ký tạm trú ở địa phương khác.

Xác minh tại nơi công ty đăng ký đặt trụ sở xác định: Bản quản lý Cụm C Cảng Đ xác định tại Cụm C cảng Đ không có doanh nghiệp nào có tên là Công ty TNHH S1 hoạt động. Tại trụ sở của Công ty V3, có một tấm biển nhỏ ghi tên Công ty TNHH S1 nhưng tại đây không có hoạt động kinh doanh gì. Ông Hoàng Văn B là chủ công ty V3 (hiện nay là người đại diện hợp pháp của Công ty S1) một thời gian gần đây không tiến hành hoạt động kinh doanh gì, công ty luôn trong tình trạng đóng cửa.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 08/2024/KDTM-ST ngày 12/6/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Phủ Yên, tỉnh Thái Nguyên đã quyết định:

Căn cứ các Điều 26, Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 146, Điều 147, Điều 157, Điều 158, Điều 227, Điều 228; Điều 244, Điều 266, Điều 269, Điều 271, Điều 273, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 117, Điều 292, Điều 293, Điều 295, Điều 298, Điều 299, Điều 307, Điều 317, Điều 319, Điều 410, Điều 463, Điều 465, Điều 466, Điều 468 và Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 90, Điều 91, Điều 95, Điều 98 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi bổ sung năm 2017);

Căn cứ Điều 10, Điều 11, Điều 12, Điều 33, Điều 34, Điều 36, Điều 52 Luật Giao dịch điện tử năm 2005; Điều 53 Luật Giao dịch điện tử năm 2023;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ Điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện về khoản tiền lãi phạt chậm trả (phí phạt quá hạn) đối với Hợp đồng cho vay số BNH/21027/HDTD ngày 22/03/2021 và Hợp đồng cho vay hạn mức thấu chi tài khoản không TSBĐ số: ThauchionlineSME-6762569 ngày 05/11/2021 đã được ký kết giữa Công ty S1 và Ngân hàng V2 – chi nhánh B1.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” của Ngân hàng TMCP V đối với Công ty TNHH S1 đối với khoản nợ gốc, tiền lãi trong hạn, tiền lãi quá hạn của các hợp đồng tín dụng:

Về nghĩa vụ trả nợ: Buộc Công ty TNHH S1, ông Hoàng Văn B (chủ sở hữu công ty) thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP V toàn bộ số tiền nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn tính đến ngày xét xử sơ thẩm 12/6/2024 đối với các hợp đồng tín dụng, tổng số tiền là: 1.775.295.371đ (một tỷ bảy trăm bảy mươi

lăm triệu hai trăm chín mươi lăm nghìn ba trăm bảy mươi một đồng), trong đó nợ gốc là 1.341.036.624 đồng; Lãi trong hạn là 68.686.099 đồng; Lãi quá hạn là 365.572.648 đồng.

Về lãi suất chậm trả: Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (13/6/2024) Công ty TNHH S1 và ông Hoàng Văn B còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Về xử lý tài sản thế chấp: Tiếp tục duy trì Hợp đồng thế chấp xe ô tô số BNH/21027/HDTTC ngày 22/03/2021, tài sản thế chấp: 01 xe ô tô nhãn hiệu GIAIPHONG, BKS: 20C-204.19, Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 20003112 do Phòng CSGT Công an tỉnh T cấp ngày 16/3/2021 đứng tên Công ty S1. Đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại T.P Đ ngày 22/03/2021.

Trong trường hợp Công ty S1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc thực hiện không đầy đủ cho Ngân hàng TMCP V thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo hợp đồng thế chấp đã ký kết. Toàn bộ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ cho Công ty S1 tại Ngân hàng V2.

Nếu tài sản bảo đảm không đủ để thực hiện nghĩa vụ thanh toán toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng V2 thì Công ty S1 còn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ phần còn thiếu cho Ngân hàng V2 trong phạm vi vốn điều lệ cho đến khi tất toán toàn bộ khoản vay.

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn về việc xử lý tài sản bảo đảm theo Hợp đồng bảo lãnh số BNH/21053/HDBL ngày 25/6/2021 giữa bên bảo lãnh là bà Phan Thị S với bên nhận bảo lãnh là Ngân hàng V2 – Chi nhánh B1.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và thông báo quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 20/6/2024 Nguyên đơn Ngân hàng TMCP V (V2) kháng cáo một phần bản án sơ thẩm. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm buộc bên bảo lãnh là bà Phan Thị S có nghĩa vụ trả nợ thay cho Công ty S1, trong trường hợp Công ty S1 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng V2.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên phát biểu quan điểm: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán chủ tọa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng trong vụ án đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Về nội dung, đề nghị chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, sửa bản án dân sự sơ

thẩm số 08/2024/DS-ST ngày 12/6/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Phố Yên, tỉnh Thái Nguyên theo hướng chấp nhận hợp đồng bảo lãnh đối với khoản nợ của bị đơn đối với nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Đơn kháng cáo của nguyên đơn làm trong hạn luật định, đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm, được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không kháng cáo đã được triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

Về nội dung:

[3] Xét yêu cầu khởi kiện và nội dung kháng cáo của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy:

Hợp đồng bảo lãnh số BNH/21053/HDBL ngày 25/6/2021, giữa bà Phan Thị S với Ngân hàng TMCP V, chi nhánh B1, bên được bảo lãnh Công ty TNHH S1, có nội dung:

Điều 1. “1. Bên bảo lãnh đồng ý, bằng toàn bộ tài sản của mình, bảo lãnh vô điều kiện và không huỷ ngang cho Bên được bảo lãnh trong việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ hiện tại và nghĩa vụ trong tương lai bao gồm nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi, các khoản phí, các khoản phạt, các khoản bồi thường thiệt hại và tất cả các nghĩa vụ tài chính khác của Bên được bảo lãnh đối với Bên Ngân hàng phát sinh từ tất cả các văn kiện tín dụng (“Văn kiện tín dụng”) sau đây được ký kết giữa Bên được bảo lãnh với Bên Ngân hàng:

a) Hợp đồng cho vay số BNH/21053 ngày 25/06/2021, bao gồm cả các phụ lục, văn bản sửa đổi, bổ sung, các kế ước nhận nợ và các văn bản liên quan của Hợp đồng này; và

B) Các văn kiện tín dụng được ký kết trước, trong và sau ngày ký kết Hợp đồng này ...”

Điều 2. Nghĩa vụ của bên bảo lãnh: 1. Các bên thống nhất thoả thuận rằng Bên bảo lãnh có nghĩa vụ thay Bên được bảo lãnh thực hiện toàn bộ nghĩa vụ của bên được bảo lãnh với Bên Ngân hàng như quy định tại Điều 1 của Hợp đồng này một cách vô điều kiện và không huỷ ngang ngay khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây: a) Bên được bảo lãnh không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ theo các Văn kiện tín dụng nêu tại Điều 1 của Hợp đồng này....

Điều 3. Quyền của Bên Ngân hàng: 1. Được quyền yêu cầu bên bảo lãnh thực hiện nghĩa vụ thực hiện nghĩa vụ thanh toán thay cho bên được bảo lãnh

theo đúng quy định tại Hợp đồng này. 2. Được quyền tự mình hoặc yêu cầu cơ quan chức năng xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sở hữu của bên bảo lãnh....

[4] Bộ luật dân sự về Bảo lãnh quy định:

Điều 335. Bảo lãnh: Bảo lãnh là việc người thứ ba (sau đây gọi là bên bảo lãnh) cam kết với bên có quyền (sau đây gọi là bên nhận bảo lãnh) sẽ thực hiện nghĩa vụ thay cho bên có nghĩa vụ (sau đây gọi là bên được bảo lãnh), nếu khi đến thời hạn thực hiện nghĩa vụ mà bên được bảo lãnh không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ.

Điều 336. Phạm vi bảo lãnh quy định:

1. Bên bảo lãnh có thể cam kết bảo lãnh một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ cho bên được bảo lãnh. 2. Nghĩa vụ bảo lãnh bao gồm cả tiền lãi trên nợ gốc, tiền phạt, tiền bồi thường thiệt hại, lãi trên số tiền chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác. 3. Các bên có thể thỏa thuận sử dụng biện pháp bảo đảm bằng tài sản để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh.

[5] Đối chiếu với các thỏa thuận trong hợp đồng bảo lãnh giữa bà Phan Thị S với Ngân hàng về việc bảo lãnh cho Công ty TNHH S1 để vay tiền Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu bà S là bên bảo lãnh phải thực hiện nghĩa vụ thay cho Công ty, được quyền tự mình hoặc yêu cầu cơ quan chức năng xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sở hữu của bên bảo lãnh.

[6] Việc bên bảo lãnh phải thực hiện nghĩa vụ thay cho bên được bảo lãnh khi bên được bảo lãnh không thực hiện đúng nghĩa vụ với bên có quyền không phụ thuộc vào việc bên nhận bảo lãnh có thỏa thuận bảo lãnh bằng tài sản cụ thể. Khi bên nhận bảo lãnh không thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh thì bên có quyền, có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền kê biên, phát mại bất cứ tài sản nào thuộc quyền sở hữu của bên nhận bảo lãnh để thực hiện nghĩa vụ theo quy định.

Toà án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu buộc bà Phan Thị S phải thực hiện nghĩa vụ thay cho Công ty S1 vì cho rằng, các bên không chỉ rõ được tài sản bảo đảm là gì, không thực hiện việc mô tả tài sản, không đăng ký tài sản bảo đảm theo quy định của pháp luật là không có căn cứ.

[7] Ngân hàng khởi kiện yêu cầu buộc bà Phan Thị S phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cho Công ty S1 theo Hợp đồng bảo lãnh ngày 25/6/2021 là phù hợp với quy định tại các điều luật viện dẫn nêu trên, nên có căn cứ chấp nhận.

[8] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử thấy có căn cứ chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, sửa một phần bản án sơ thẩm.

[9] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo của nguyên đơn được chấp nhận, nên nguyên đơn không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm, được hoàn trả tạm ứng án phí.

Từ những phân tích nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn Ngân hàng TMCP V; Sửa một phần bản án Kinh doanh thương mại

sơ thẩm số 08/2024/KDTM-ST ngày 12/6/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Phố Yên, tỉnh Thái Nguyên về yêu cầu thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh, như sau:

Căn cứ Điều 335, Điều 336 Bộ luật dân sự;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP V về việc yêu cầu bà Phan Thị S thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh cho Công ty TNHH S1.

Trường hợp Công ty TNHH S1 không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả khoản tiền vay theo Hợp đồng cho vay số BNH/21027/HĐTD ngày 22/3/2021 và Hợp đồng cho vay hạn mức thấu chi tài khoản không TSBĐ số: ThauchionlineSME-6762569 ngày 05/11/2021, giữa Ngân hàng TMCP V với Công ty TNHH S1 thì bà Phan Thị S có trách nhiệm thực hiện toàn bộ nghĩa vụ thay cho Công ty TNHH S1 với Ngân hàng TMCP V theo Hợp đồng bảo lãnh số BNH/21053/HĐBL ngày 25/6/2021 giữa Công ty TNHH S1 với Ngân hàng TMCP V.

2. Án phí phúc thẩm: Ngân hàng TMCP V không phải án phí Kinh doanh thương mại phúc thẩm. Hoàn trả Ngân hàng TMCP V 2.000.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai số 0001733, ngày 08/7/2024 của Chi cục THADS thành phố P, tỉnh Thái Nguyên.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- TAND thành phố Phố Yên;
- Chi cục THADS TP. Phố Yên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đặng Minh Tuân